

CÁC KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ TOÀN CẦU VỀ KHÔNG GÂY MẤT RỪNG VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆT NAM

VIỆT NAM TRƯỚC CƠ HỘI CỦA THỊ TRƯỜNG CÁC-BON RỪNG

Đỗ Anh Tuấn

Trường Đại học Lâm nghiệp (VNUF)

VNUF, 17/5/2025

1. Cam kết và chính sách giảm phát thải của Việt Nam

- Ký Thỏa thuận Paris: 2015
- Đóng góp quốc gia tự quyết định (NDC): đến năm 2030
 - + GPT: 15,8% (146.3 million tCO₂-e) tự thực hiện
 - + GPT 43,5% (403.7 million tCO₂-e) có hỗ trợ quốc tế
- Cam kết **Net Zero vào năm 2050** tại COP 26

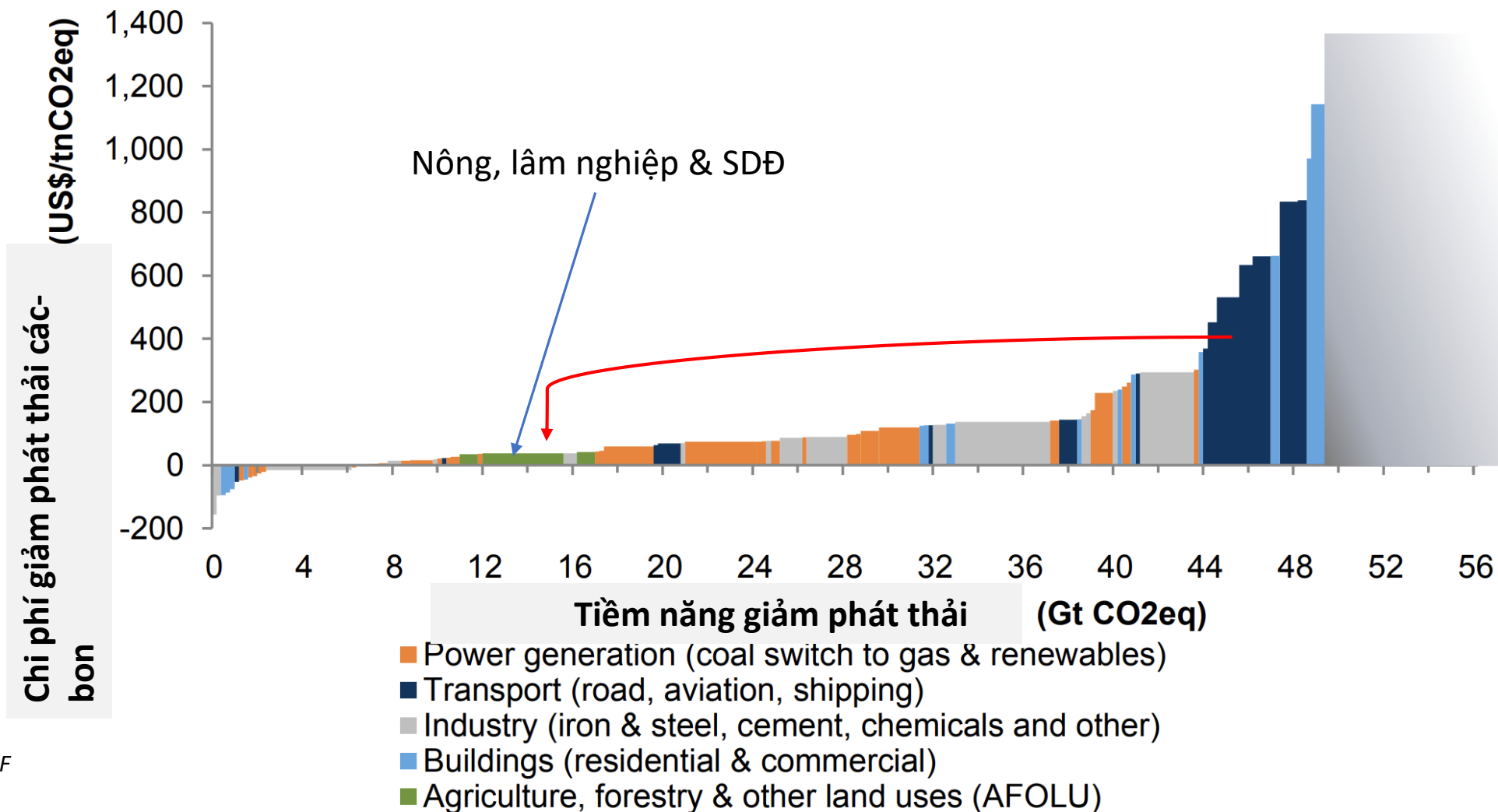
Khung pháp lý:

- Luật bảo vệ môi trường (2020)
- Nghị định 06/2022/NĐ-CP về thị trường các-bon:
 - + Hoạt động vào 2028 & kết nối thị trường các-bon quốc tế
 - + Lượng các-bon cho phép bù trừ $\leq 10\%$ of tổng lượng hạn mức phát thải được phân bổ cho các cơ sở phát thải
- Chỉ thị 13 /CT-TTg (02/05/2024) về tăng cường quản lý tiến chỉ các-bon để thực hiện NDC

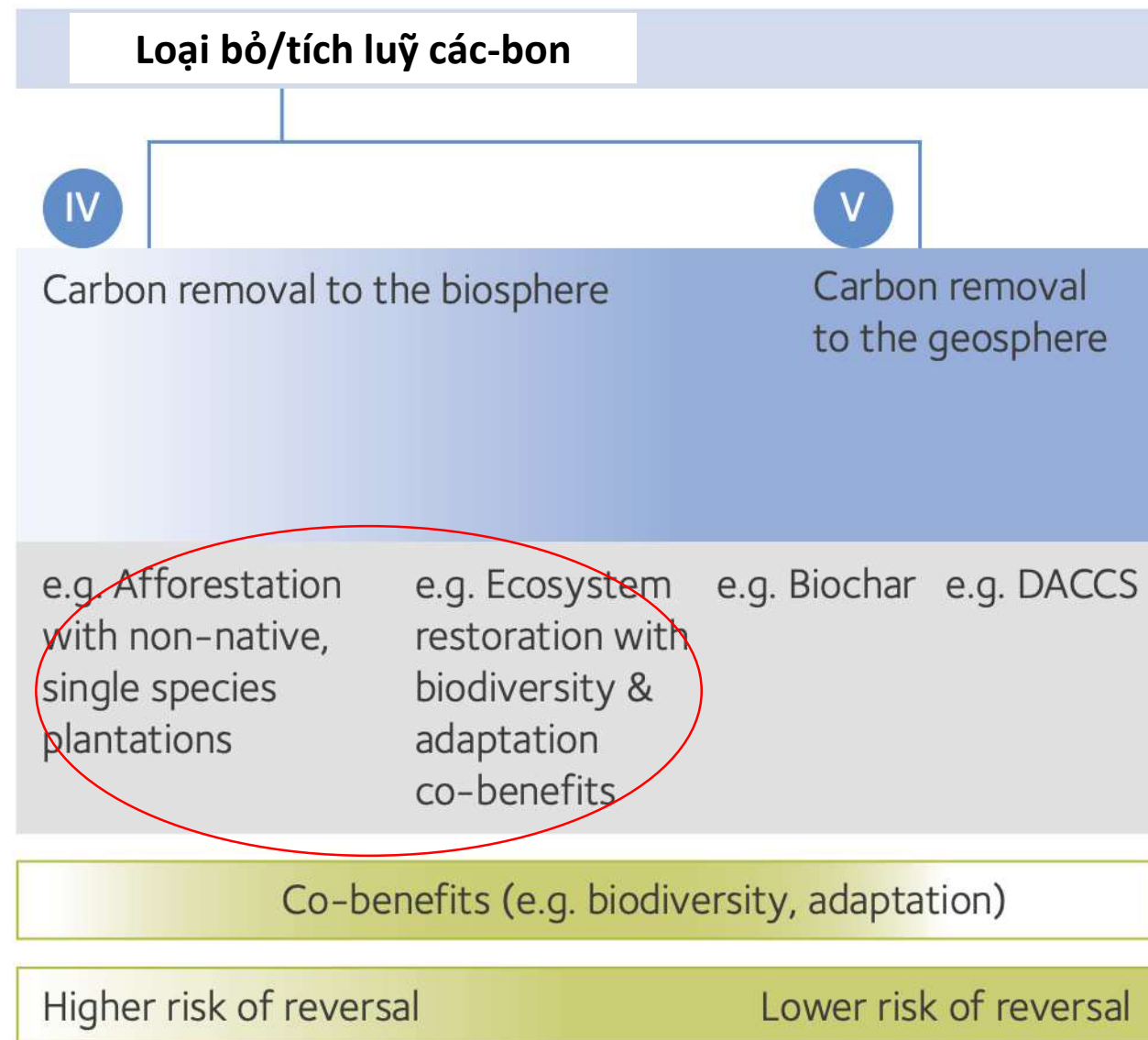
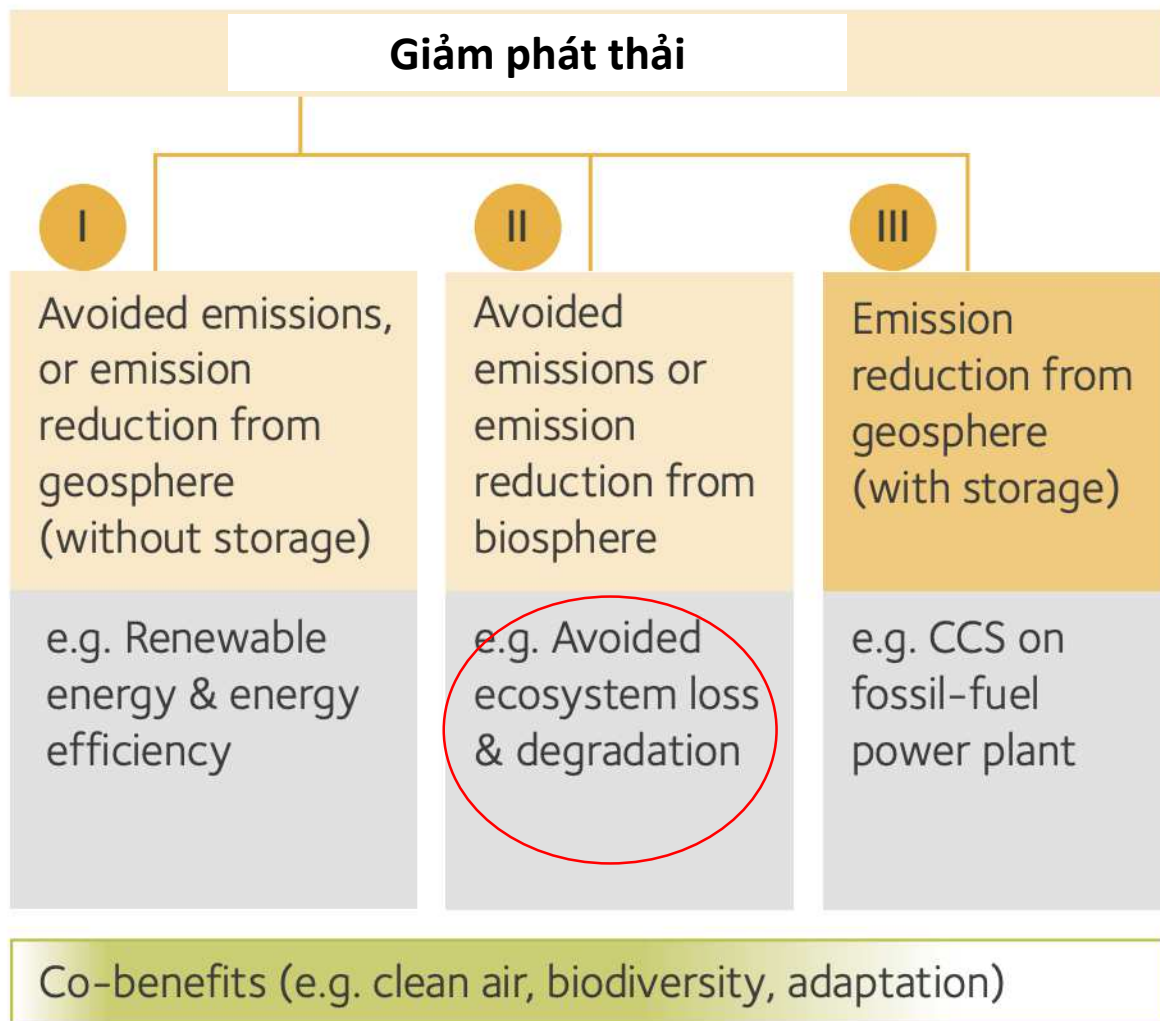


2. Thị trường các-bon quốc tế: tiềm năng cung cầu & chi phí

(Goldman Sachs
Investment
research, 2023)



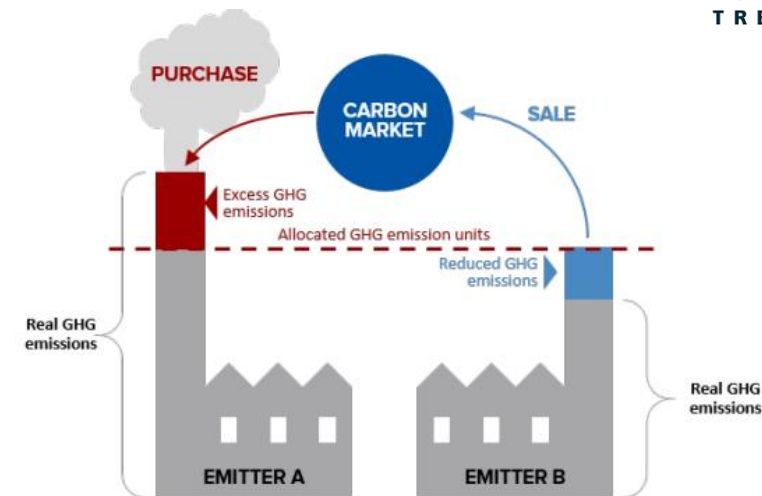
Các biện pháp GPT dựa vào thị trường



Các loại hình thị trường các-bon

i) Thị trường bắt buộc (CM):

- Các quy định bắt buộc của quốc gia/vùng lãnh thổ: thuế, Hệ thống thương mại phát thải – ETS (cơ chế Cap & Trade)
(Ví dụ EU ETS, UK ETS, Korea ETS, China ETS..)
- Giá biến động từ vài US\$ đến hơn 100 US\$ (6.4 US\$ -> 100 US\$)

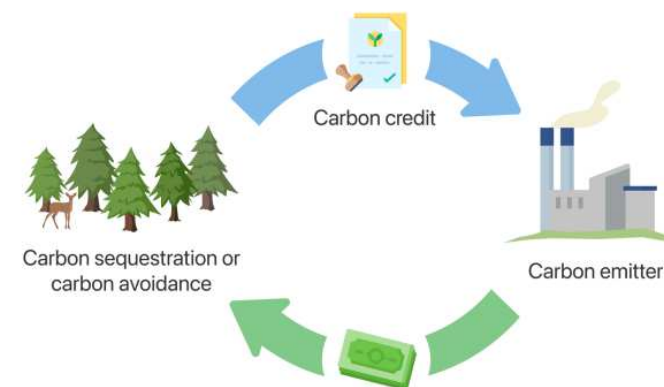


ii) Thị trường tự nguyện (VCM):

Thương mại trên cơ sở tự nguyện: các công ty/tổ chức mua tín chỉ các bon để tăng uy tín và cam kết/trách nhiệm môi trường (e.g. airlines)

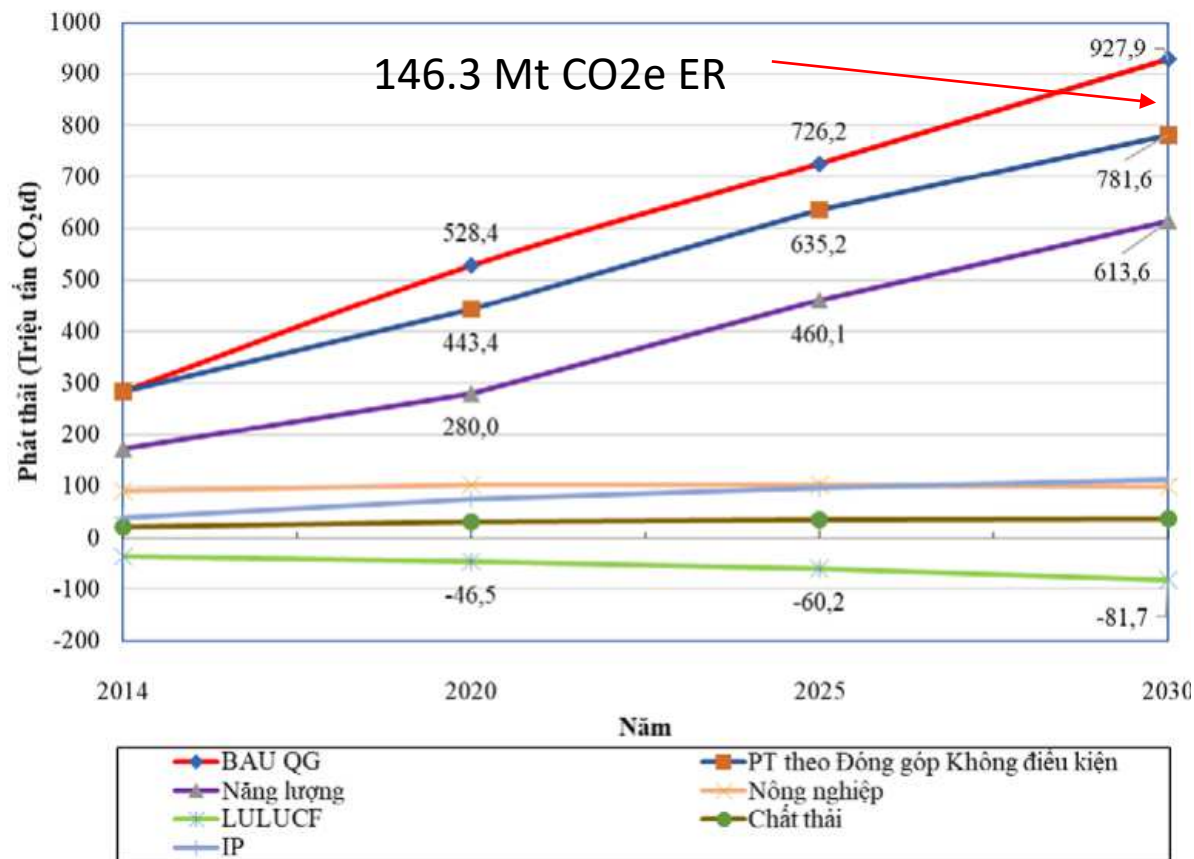
- Hoạt động theo các tiêu chuẩn các-bon
- Giá thường thấp hơn dưới 1 US\$- vài US\$ (0.4US\$-5-6 US\$)

(về giá, xem carboncredit.com)

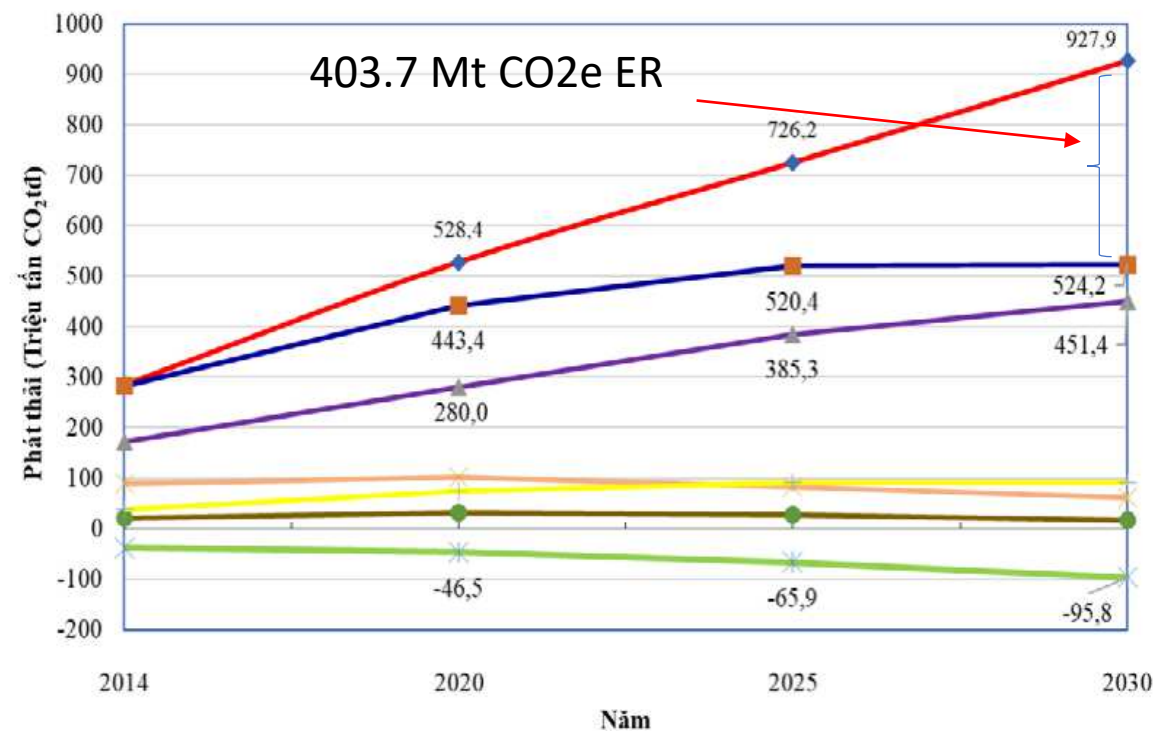


3. Thị trường car-bon trong nước: tiềm năng cung cầu

Kịch bản phát thải quốc gia theo lĩnh vực



Hình 2. Phát thải khí nhà kính quốc gia và các lĩnh vực theo Đóng góp không điều kiện



Hình 3. Phát thải khí nhà kính quốc gia và các lĩnh vực theo Đóng góp có điều kiện

(Source: Vietnam' NDC 2022)

Mục tiêu đóng góp giảm phát thải the NDC 2020 và NDC 2022

Ngành	Đóng góp không điều kiện				Đóng góp có điều kiện			
	NDC 2020		NDC 2022		NDC 2020		NDC 2022	
	(%)	(Mt CO ₂ eq)	(%)	(Mt CO ₂ eq)	(%)	(Mt CO ₂ eq)	(%)	(Mt CO ₂ eq)
Năng lượng	5.5	51.5	7.0	64.8	16.7	155.8	24.4	227.0
Nông nghiệp	0.7	6.8	1.3	12.4	3.5	32.6	5.5	50.9
LULUCF	1.0	9.3	3.5	32.5	2.3	21.2	5.0	46.6
Chất thải	1.0	9.1	1.0	8.7	3.6	33.1	3.2	29.4
Các quá trình công nghiệp	0.8	7.2	3.0	27.9	0.9	8.0	5.4	49.8
Tổng số	9.0	83.9	15.8	146.3	27.0	250.8	43.5	403.7

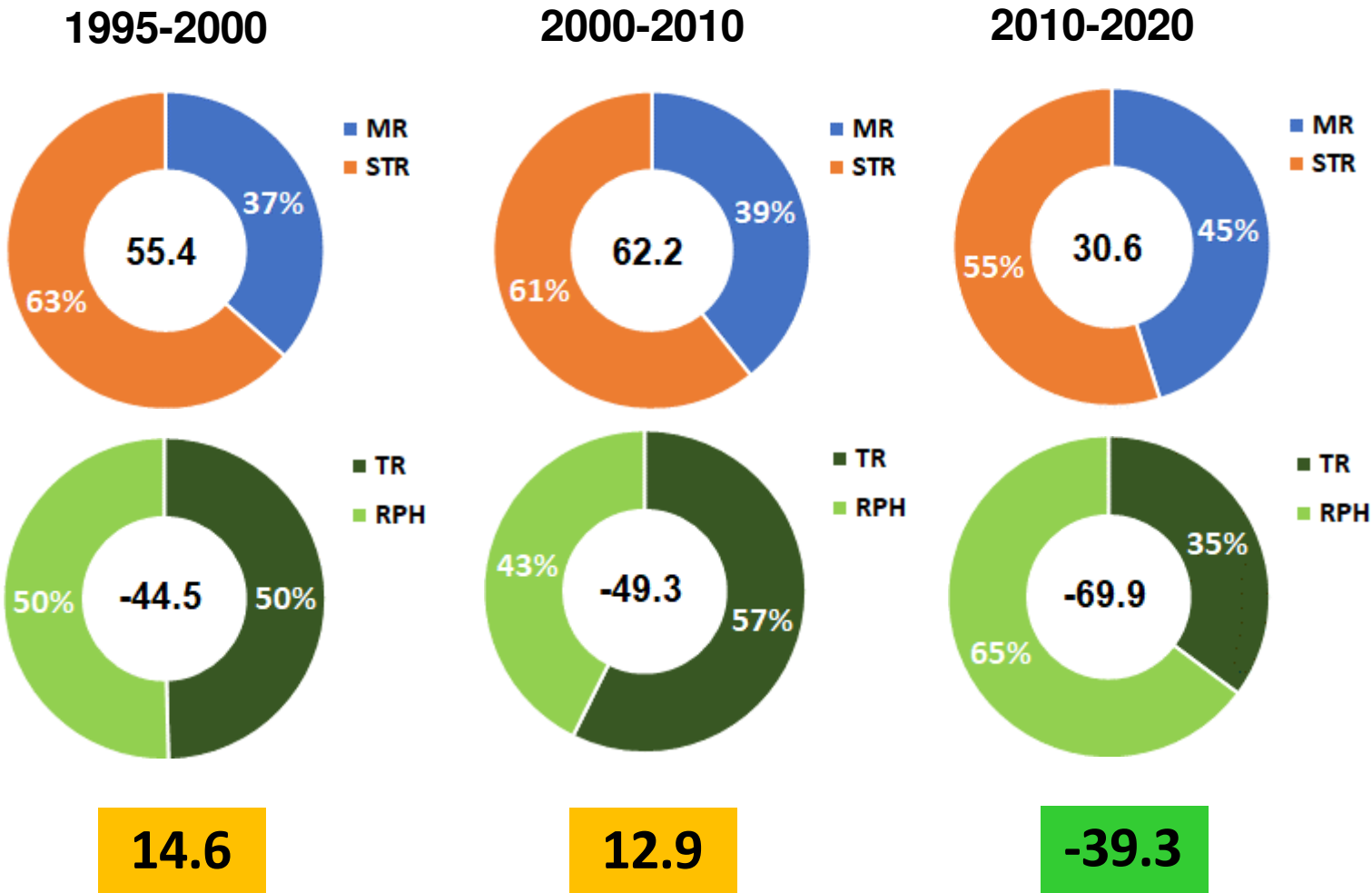
(Source: Vietnam' NDC 2022)

Giảm phát thải & hấp thụ cac-bon giai đoạn 1995-2020 ngành Lâm nghiệp

Lượng
GPT TB
năm (Mt
CO2e)

Lượng
hấp thụ
TB năm
(Mt CO2e)

Lượng
phát thải
ròng năm
(Mt CO2e)



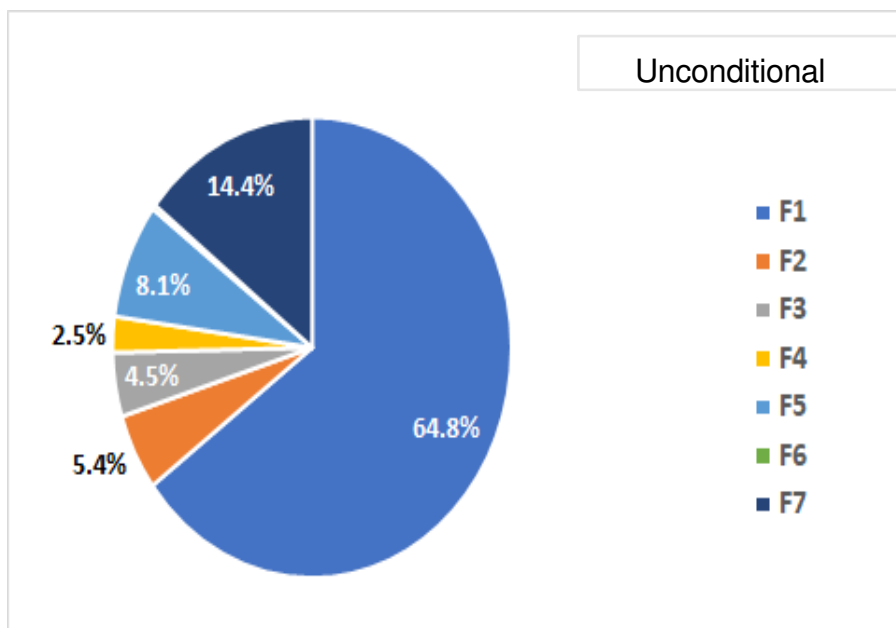
(Source: MARD, 2016, 2021)

Do Anh Tuan, VNUF

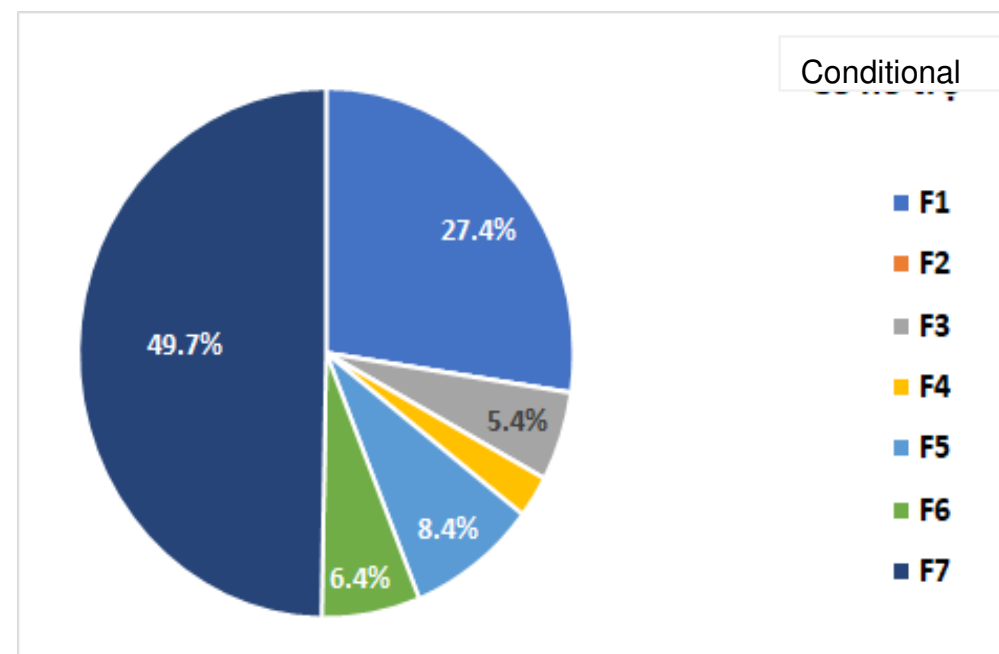


Tiềm năng GPT ròng giai đoạn 2021-2030 của Lâm nghiệp nước ta

Không có hỗ trợ: 82 Mt CO₂e



Có hỗ trợ: 104 Mt CO₂e



Tiềm năng cầu tín chỉ các-bon nội địa

	Không có hỗ trợ (unconditional)	Có hỗ trợ QT (conditional)
Tổng lượng GPT tất cả các lĩnh vực vào năm 2030	146,3 mill CO ₂ eq	403,7 mill CO ₂ eq
Các Lĩnh vực ngoài LULUCF	113,8 mill CO ₂ eq	357.1 mill CO ₂ eq
Tiềm năng cầu (10%)	11,38 mill CO₂eq	35,71 mill CO₂eq
Tiềm năng cầu (20%)	22,72 mill CO ₂ eq	74.42 mill CO ₂ eq